

Bản án số: 59/2024/HS-PT
Ngày: 27-6-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Ông Nguyễn Văn Thu

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa**

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Huỳnh Công T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Huỳnh Công T**, sinh năm 1991 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: **Ấp A, xã L, huyện B, tỉnh Long An**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh Văn R**, sinh năm 1964 và bà **Huỳnh Thị Xuân H**, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2023 cho đến nay, có mặt.

Ngoài ra còn có 2 bị cáo khác là **Trần Thái K**, **Cái Đ** không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng nghị không triệu tập: Bị hại: **Trần Văn T1**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Khánh V**, **Phan Thị Bích D**, **Trần Tuấn K1**, **Trần Minh T2**; người làm chứng: **Thạch Lành**, **Hồ Phước T3**, **Huỳnh Tấn K2**, **Nguyễn Hoàng G**, **Nguyễn Thị M**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2023, **Trần Thái K** do không có việc làm và cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định đến **Công ty Cổ phần X** (sau đây gọi tắt là công ty), địa chỉ: **Ấp B, xã L, huyện B** để gặp ông **Trần Văn T1** là người thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải cho công ty để đặt vấn đề bảo kê lấy tiền tiêu xài. **K** sử dụng số điện thoại 0347.034.038 và tài khoản Zalo “**Khương Ách**” trực tiếp liên lạc với ông **T1**, yêu cầu ông **T1** đưa số tiền 20.000.000 đồng nếu muốn yên ổn ra vào, không có người ngăn chặn, quấy phá hoặc nếu có bị ai ngăn chặn, quấy phá thì **K** giải quyết, nhưng ông **T1** không đồng ý. **Khương** nhắn tin yêu cầu đưa tiền và gọi nhiều lần cho ông **T1** nhưng ông **T1** không trả lời. **Trần Thái K**, **Cái Đ** và **Huỳnh Công T** là bạn bè ngoài xã hội. Ngày 01/7/2023, **K**, **H1** đang ở nhà của **Huỳnh Công T**, Công Tâm nghe **K** kêu **H1** đến công ty **C**, chặn xe lấy rác của ông **T** rồi báo cho **K** đi ra dàn xếp cho xe đi về để đòi tiền bảo kê, thì **H1** đồng ý đi, còn **Công T** biết việc **K** và **H1** chặn xe đòi tiền bảo kê nhưng không tham gia. Đến khoảng 12 giờ 30 phút, **H1** phát hiện xe lấy rác của ông **T** đến công ty nên gọi điện thoại cho **K** biết, **K** kêu **H1** đến chặn xe lấy rác, gặp tài xế yêu cầu tài xế gọi cho ông **T** để yêu cầu ông **T** gọi lại cho **K** nhưng **H1** không thực hiện. Khoảng 15 phút sau, **H1** điều khiển xe sirius đỏ đen, Biển số 62P1.647.15 chở **K** đến trước công ty, **K** chặn xe gom rác do **Thạch L** (là nhân viên tài xế của ông **T**) đang điều khiển để yêu cầu **L** liên hệ ông **T**, nếu không sẽ gây khó dễ. Sau đó, **L** về nói lại cho ông **T** lại sự việc.

Đến khoảng 14 giờ ngày 03/7/2023, **L** điều khiển xe lấy rác từ công ty đi ra thì bị 01 người thanh niên tên **T4** (không rõ nhân thân, lai lịch) do **K** nhờ đến chặn xe, chỉ tay đe dọa, lúc này **K** chạy đến nói chuyện rồi kêu **Thạch L** điều khiển xe chạy đi. Sau đó, ông **T** liên lạc với **K** thương lượng giảm tiền bảo kê nhưng không được. Ông **T** nói cho **Hồ Phước T3** biết sự việc và nhờ **T3** cùng **Thạch L** vào ngày 04/7/2023 đến công ty để gặp **K**. Ngày 04/7/2023, **K** gọi **Z** cho ông **T** thì ông **T** nói con ông **T** (do **T3** giả làm con ông **T**) sẽ gặp **K** nói chuyện. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, sau khi lấy rác xong, **L** điều khiển xe chở **T3** đi ra trước công ty, **K** điện thoại cho **T3**, thì **K** kêu **T3** chạy theo, lúc này **Công T** điều khiển xe mô tô chở **K** đến quán nước mía cặp đường **Tỉnh lộ 830 thuộc Ấp B, xã L**. Tại đây, **T3** đề nghị bớt thêm tiền, thì **K** yêu cầu 10.000.000 đồng, nhưng **T3** nói không đủ khả năng. Cùng lúc đó, đối tượng tên **T5** (không rõ nhân thân, lai lịch) đến, **K** có trình bày lại nội dung cuộc nói chuyện cho **T5** nghe, do không thương lượng được nên tất cả đi về. Sau đó, **K** gọi **Z** cho ông **T** để tiếp tục yêu cầu đưa tiền nhưng ông **T** không đồng ý, nhưng ông **T** lo sợ **K** tiếp tục làm khó dễ, nên đưa **T3** số tiền 10.000.000 đồng đến gặp đưa **K**.

Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2023, **K** gọi điện thoại qua **Z** cho ông **T** để hỏi thúc ông **T** đưa tiền thì ông **T** nói con ông (tức **T3**) đang theo xe rác công ty đi ra, lúc này **K** kêu **H1** chở **K** đi gặp **T3**. Lúc này, **Công T** điều khiển xe mô tô Wave màu vàng, Biển số 5IL1-9213 chở **Nguyễn Khánh V** đến Công văn hóa **Ấp A, xã L** gặp **K** và **H1**. **Khương** kêu **Công T**, **V** đi cùng đến quán nước mía lấy tiền xe lấy rác được sẽ cho **Công T**, **H1** tiền để tiêu xài. Lúc này, **Công T** biết **H1** và **K** đi lấy tiền bảo kê, nên **Công T** đồng ý, còn **Nguyễn Khánh V** thì không biết đi lấy tiền bảo kê. Cả bốn người cùng đi đến quán nước đã hẹn trước, **T3** đi

cùng **Thạch L** đến và đưa cho **K** 10.000.000 đồng, **K** đếm đủ tiền đưa cho **Công T** giữ và chuẩn bị rời đi thì bị lực lượng **Công an huyện B** bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSBL, ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố các bị cáo **Trần Thái K**, **Cái Đ**, **Huỳnh Công T** về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thái K**, **Cái Đ**, **Huỳnh Công T** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Công T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, bị cáo **Huỳnh Công T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị cáo **Huỳnh Công T** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung án sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng, không oan. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nặng so với hành vi của bị cáo gây ra, nên bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Bị cáo **Huỳnh Công T** kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Huỳnh Công T** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **T**, xử phạt bị cáo **T** 01 năm 06 tháng tù, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo nhưng không có bổ sung tình tiết mới ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà

cấp sơ thẩm áp dụng, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, về hình phạt đối với bị cáo **Huỳnh Công T**. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo **Huỳnh Công T** kháng cáo trong thời hạn Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo **Huỳnh Công T** khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Do không có việc làm và cần tiền tiêu xài, nên **K** rủ **H1** và **Công T** đe dọa ông **Trần Văn T1** đưa tiền nếu muốn yên ổn, không có người ngăn chặn, quấy phá trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại **Công ty Cổ phần X** ở **Ấp B, xã L** với số tiền 20.000.000 đồng hàng tháng. Sau nhiều lần **K** gọi điện, nhắn tin đe dọa yêu cầu ông **T1** về việc đưa tiền bảo kê, ông **T1** lo lắng nên đưa cho **Hồ Phước T3** số tiền 10.000.000 đồng để gặp **K**. Đến ngày 05/7/2023, tại quán nước giải khát ở **Ấp B, xã L, K, T1, H1** đang nhận số tiền 10.000.000 đồng từ **Thiện** thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật. Như vậy, hành vi của các bị cáo **Trần Thái K, Cái Đại H2, Huỳnh Công T** có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo **T** không tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Huỳnh Công T** kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo

kháng cáo nhưng không bổ sung tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm áp dụng nên bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo **Huỳnh Công T** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Công T**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, về hình phạt của bị cáo **Huỳnh Công T**.

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Công T** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38, 50 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Công T** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 06/7/2023.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo **Huỳnh Công T** 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 27/6/2024, để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Huỳnh Công T** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng